ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183 /BC-UBND	*Bình Dương, ngày 17 tháng 11 năm 2016*

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện phân cấp ngân sách giai đoạn năm 2011-2016 và Phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐẾN
Số: [illegible]
Ngày: 17-11-2016
Chuyển: ......

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phân cấp ngân sách giai đoạn năm 2011-2016 và Phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN NĂM 2011-2016

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Qua 6 năm thực hiện, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn năm 2011-2016 theo Nghị quyết số 31/2010/NQ/HĐND7 của HĐND tỉnh[1] đã tuân thủ đúng các quy định của Trung ương, cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đã phát huy tác dụng tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể như sau:

1. Phân cấp nguồn thu nhìn chung gắn với phân cấp quản lý thu, từ đó khuyến khích các địa phương tăng thu để đảm bảo nhu cầu chi[2]. Bên cạnh đó, số thu từ một số lĩnh vực được phân cấp toàn bộ về cho cấp huyện[3] giúp cấp huyện có nguồn thu lớn thuận lợi trong cân đối ngân sách hàng năm.

2. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo[4], bảo đảm nguồn để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, đồng thời có nguồn để hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu cho những huyện thu không đạt dự toán được giao hoặc cho các nhiệm vụ chi phát sinh đột xuất.

3. Phân cấp nhiệm vụ chi cơ bản phù hợp với phân cấp quản lý và trình độ quản lý của mỗi cấp ngân sách trên địa bàn, phân cấp ngân sách gắn với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí[5] đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

---

[1] *Được cụ thể hóa tại các Quyết định số 52/2010/QĐ-UBND, 53/2010/QĐ-UBND và 55/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh.*

[2] *Trong giai đoạn 2011-2016 tổng thu khối huyện vượt 2% dự toán được giao với 7/9 huyện thu vượt dự toán.*

[3] *Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh huyện được hưởng toàn bộ kể cả số thu do Cục Thuế quản lý.*

[4] *Ngân sách cấp tỉnh chiếm tỷ trọng 71% trong tổng thu NSĐP được hưởng.*

[5] *Các cơ quan nhà nước thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.*

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Việc phân cấp nguồn thu quá rộng về cho huyện, bên cạnh mặt tích cực, cũng còn một số hạn chế như: một số lĩnh vực phân cấp ngân sách nhưng chưa gắn với phân cấp quản lý cho cấp huyện nên đã ảnh hưởng đến công tác kế hoạch, quản lý điều hành cũng như cấp huyện không đủ thẩm quyền để kiểm tra, đôn đốc, khai thác nhằm tăng thu cho ngân sách[6]; một số khoản thu vượt đột xuất lớn nhưng tỉnh không thể điều hòa được, trong khi phải sử dụng ngân sách tỉnh để hỗ trợ cho các các huyện bị hụt thu. Phân cấp giữa cấp huyện và cấp xã cũng gặp vướng mắc tương tự[7].

2. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cả đầu tư và chi thường xuyên,...cho huyện quá rộng, trong khi lực lượng cán bộ, công chức cấp huyện còn thiếu và yếu, dẫn đến việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước bị hạn chế[8]. Bên cạnh đó một số nhiệm vụ chi phân cấp cho cấp huyện chưa gắn với phân cấp quản lý dẫn đến gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành cũng như bố trí kinh phí[9].

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH NĂM 2017-2020

I. VỀ NGUYÊN TẮC

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2017-2020 phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể, trong đó ngân sách cấp tỉnh đóng vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi của toàn tỉnh, hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại Khoản 3, Điều 40 của Luật NSNN. Đồng thời có cơ chế khuyến khích sự năng động, tích cực của các địa phương trong việc khai thác nguồn thu[10].

2. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý thu và phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với

---

[6] Như thu thuế khu vực dân doanh đã phân cấp cho cấp huyện hưởng toàn bộ số thu trên địa bàn, nhưng cấp huyện chỉ quản lý bình quân 50%, còn lại 50% do Cục Thuế tỉnh trực tiếp quản lý.

[7] GĐ 2011-2013: NS cấp xã hưởng tỷ lệ % nguồn thu từ khu vực kinh tế dân doanh do cấp huyện quản lý, khi điều chỉnh tăng phân cấp quản lý thu về cho cấp huyện đã làm tăng nguồn thu cấp xã được hưởng, giảm nguồn thu cấp huyện được hưởng. GĐ 2014-2016: NS cấp xã chỉ còn được hưởng các khoản thu do cấp xã trực tiếp quản lý, nhưng ngành Thuế đã điều chỉnh phân cấp quản lý thu về cho Chi cục Thuế huyện, dẫn đến NS cấp xã bị hụt toàn bộ nguồn thu từ thuế.

[8] Cụ thể như Phòng TC-KH các huyện: khối lượng công việc rất lớn nhưng chỉ được bố trí 106 biên chế, đáp ứng 83% định mức biên chế cần thiết (định mức 127 BC), trong đó riêng lĩnh vực đầu tư XDCB chỉ mới bố trí 73% định mức BC (16/22 BC).

[9] Cụ thể như: các Trường THPT và Trung tâm GDTX – KTHN được phân cấp nhiệm vụ chi cho cấp huyện, trong khi Sở Giáo dục – Đào tạo quản lý về tổ chức, chuyên môn, nghiệp vụ: dẫn đến các đơn vị có sự so sánh là cùng 1 đơn vị chủ quản nhưng kinh phí được cấp đối với các đơn vị tại các huyện khác nhau không thống nhất, ngoài ra do việc phân cấp này không đúng quy định của TW nên khi có chính sách mới ban hành gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện.

[10] Như cơ chế thưởng thu vượt dự toán, cơ chế chi trả lại đối với các huyện tích cực khai thác quỹ đất công phục vụ cho đầu tư phát triển, cơ chế hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện có phát sinh nguồn thu lớn đối với các khoản thu thuộc ngân sách tỉnh, cơ chế hỗ trợ số thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã để xây dựng nông thôn mới,...

khả năng cân đối của ngân sách từng cấp.

3. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các địa phương, khuyến khích các địa phương tích cực khai thác nguồn thu, chủ động sắp xếp chi, qua việc ngân sách cấp trên sẽ giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và số bổ sung cân đối ngân sách trong suốt thời kỳ ổn định; hàng năm, nếu có thay đổi chính sách, chế độ làm tăng chi ngân sách thì ngân sách cấp trên sẽ căn cứ khả năng cân đối ngân sách, xem xét để tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định.

II. NỘI DUNG PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020

1. Phân cấp nguồn thu ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương

STT	Nội dung	Ngân sách nhà nước		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	**Các khoản thu mỗi cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) được hưởng 100%**			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước[11] và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh			
	- Cấp tỉnh, huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Cấp tỉnh, huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Cấp tỉnh, huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
4	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
5	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác do xã quản lý			100%
6	Thu tiền sử dụng đất	100%		
7	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100%		
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
9	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		

[11] *Đối với số thu từ các DNNN, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.*

10	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
11	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
12	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
13	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và DNNN do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương[12]	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và DNNN do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện		100%	
14	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
15	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
16	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	** Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất*	*100%*		
17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
18	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%

[12] *Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp, ... tại các Khoản từ 13 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.*

19	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%
20	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách Trung ương và NSĐP**			
1	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	36%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh			
a	Các huyện, thị xã, thành phố (trừ thị xã Thuận An)			
	- Cấp tỉnh, huyện quản lý		36%	
	- Cấp xã quản lý			36%
b	Thị xã Thuận An			
	- Cấp tỉnh, huyện quản lý	5%	31%	
	- Cấp xã quản lý	5%		31%
2	Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)			
2.1	Các huyện, thị xã, thành phố (trừ thị xã Thuận An)			
	- Thuế TNCN do Trung ương và tỉnh quản lý	36%		
	- Thuế TNCN do huyện trực tiếp quản lý		36%	
2.2	Thị xã Thuận An			
	- Thuế TNCN do Trung ương và tỉnh quản lý	36%		
	- Thuế TNCN do thị xã trực tiếp quản lý	5%	31%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	36%		
III	**Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên**			
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách		x[13]	x
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	x	x	x
IV	**Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang**	**x**	**x**	**x**

2. Nhiệm vụ chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương

STT	Nhiệm vụ chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	**Chi đầu tư phát triển**			
1.1	Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của tỉnh và phân chia theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2	x	x	x
	Hàng năm các xã (không bao gồm phường, thị trấn) được bố trí kinh phí hỗ trợ để đầu tư cho các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020			x

[13] *Dấu x: được phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi*

1.2	Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	x		
1.3	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	x		
2	**Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở từng cấp (tỉnh, huyện, xã) được phân cấp trong các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Điều 38, Luật NSNN và theo phân cấp quản lý của tỉnh, trong đó lưu ý một số lĩnh vực sau:**	**x**	**x**	**x**
	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: nhiệm vụ chi cho các Trường Trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp huyện được chuyển về cho ngân sách tỉnh	x		
	Sự nghiệp khoa học - công nghệ: cấp huyện và cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ	x		
3	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**x**		
4	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương**	**x**		
5	**Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương**	**x**	**x**	**x**
6	**Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới**	**x**	**x**	
7	**Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 9, Điều 9 của Luật NSNN**	**x**	**x**	

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phân cấp ngân sách giai đoạn năm 2011-2016 và Phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Cục Thống kê;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố TDM;
- LĐVP, Tạo, KTN, NC, VX, TH, HCTC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm